TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 152/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22/5/2018
V/v: xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Thanh Hoàng.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Huỳnh Thanh Bình;**

Bà **Trần Thị Trúc Mai**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thảo Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện viên kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày **22** tháng **5** năm **2018** tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A mở phiên toà xét sử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01năm 2018 về việc "*Xin ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm: 1974;
Cư trú: Tổ 6, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.
Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1973.
Cư trú: Số nhà 423, ấp Đ, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang.
(Tại phiên tòa bà P có mặt, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai bà Nguyễn Thị P trình bày: Bà với ông T chung sống với nhau từ năm 1990, không đăng ký kết hôn nhưng có tổ chức đám cưới, hôn nhân do cha mẹ hai bên định đoạt, cuộc sống chung nhìn chung là không có hạnh phúc, nguyên nhân ban đầu xuất phát từ lý do kinh tế, do bà làm ăn thất bại gây ra nợ nần từ đó chồng bà luôn đánh đập, hành hạ bà. Ngoài ra, hiện nay ông T có quan hệ tình cảm với người khác và thường xuyên điện thoại cho người đó trước mặt bà, thời gian gần đây nhất ông và anh chồng bà xúc phạm bà và mẹ bà trước mặt đông người tại chợ Q may mắn là có Công an huyện A tình cờ đi công tác và ngang qua gặp, can thiệp kịp thời đưa bà về Công an xã Q. Bà và ông T đã ly thân nhau gần 01 năm nay. Trước đây vào khoảng tháng 5/2017, bà đã gửi đơn ly hôn 01 lần tại Tòa án A và Tòa đã tiến hành hòa giải 03 lần do ông T năn nĩ bà chung sống lại nhưng không được thì

lên tiếng xúc phạm bà. Do Tòa án động viên bà chung sống lại và bà cũng muốn cho ông T cơ hội, nên bà rút yêu cầu xin ly hôn, Tòa án đã ra quyết định đình chỉ. Tuy nhiên, hiện nay ông T vẫn không có sửa đổi gì, vẫn tính nào tật nấy, thường xuyên đe dọa hành hung đánh đập bà. Nay xét thấy tình cảm không còn nữa nên bà xin được ly hôn với ông T.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà và ông T không có tài sản chung, chỉ có nợ chung nhưng đã được giải quyết bằng bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Nay bà không có yêu cầu Tòa án phải giải quyết.

Về quan hệ con chung: Bà và ông T có 01 đứa con chung tên là Nguyễn Thị Kim H, sinh năm: 1991. Hiện nay con đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông T từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, mặc dù đã được Tòa án tiến hành tống đạt và niêm yết công khai thông báo thụ lý và hòa giải nhưng ông vẫn không có mặt. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải các ngày 28/7 và ngày 06/9/2017, khi bà P gửi đơn xin ly hôn lần đầu, ông T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian chung sống, điều kiện đi đến hôn nhân và tình trạng pháp lý của hôn nhân giữa ông và bà P, ông đồng ý với lời trình bày của bà P. Về nguyên nhân mâu thuẫn, ông cũng thừa nhận là có điện thoại và quan hệ quen biết với người phụ nữ khác khi bà P bỏ nhà ra đi, vì ông làm nghề chạy xe ôm, ông cũng thừa nhận là anh ruột ông có cãi vả với bà P và gia đình ông có nhận lỗi với bà P nhưng bà không chịu, ông cũng thừa nhận là ông và bà P đã ly thân nhau từ tháng 6/2017 đến nay. Vào ngày 15/9/2017 ông có làm tờ cam kết với nội dung là sẽ không tái phạm với bà P nữa. Nay ông còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn với bà P.

Về quan hệ con chung: Ông với bà P có 01 đứa con chung tên là Nguyễn Thị Kim H, sinh năm: 1991. Hiện nay con đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Ông với bà P không có tài sản chung, chỉ có nợ chung nhưng đã được giải quyết bằng bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên toà hôm nay: Bà P vẫn bảo lưu ý kiến. Ông T mặc dù đã được tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt ông Thanh theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Bà P yêu cầu được ly hôn với ông T. Ông T cư trú tại huyện A, tỉnh An Giang nên được Tòa án thụ lý giải quyết theo điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của bà P xin ly hôn với ông T, HĐXX xét thấy:

Quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông T được xác lập do hai bên tự tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1990. Lẽ ra, hôn nhân được công nhận nhưng bà P và ông T cùng xác định từ khi chung sống đến nay chưa đăng ký kết hôn. Lời trình bày của

ông bà phù hợp với giấy xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 25/12/2017 của Ủy ban nhân dân xã Q và Ủy ban nhân dân xã V ngày 20/4/2018. Căn cứ theo quy định tại điểm b, khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 của Quốc Hội và Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 không công nhận bà P và ông T là quan hệ vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Hiện nay con chung giữa bà P và ông T chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm: 1991, đã đến tuổi trưởng thành nên không đề cập để giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Bà P và ông T xác định không có tài sản chung chỉ có nợ chung nhưng đã được giải quyết bằng bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật bà nên không đề cập để giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: ***Các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 51, 53, của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.***

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn T là quan hệ vợ chồng.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm. Số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) mà bà P đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo biên lai thu số 0002754 ngày 22/01/2018.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/5/2018) các bên có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của các đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

(*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).*

Nơi nhận:
- VKSND (2);
- TAND tỉnh (1);
- Chi cục THADS(1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thanh Hoàng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND An Phú (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS An Phú (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

Lê Thanh Hoàng